TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 261/2022/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Cửu, ngày 16 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 428/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*
- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992;
Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
- Anh Phan Trung T, sinh năm 1985;
Địa chỉ: 67B/6, ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã hòa giải để đoàn tụ nhưng chị Nguyễn Thị N và anh Phan Trung T không đồng ý đoàn tụ mà tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ việc dân sự, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Trung T chung sống và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 01/2010, ngày 15/11/2010. Căn cứ vào các Điều 11, 12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình hòa giải, chị N và anh T không đoàn tụ về chung sống với nhau và thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, sự tự nguyện của các anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm

2014 nên được công nhận.

[2] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên là: Phan Nguyễn Cát T, sinh ngày 12/5/2011 và Phan Trung K, sinh ngày 27/4/2018. Chị N và anh T đã thống nhất, thỏa thuận giao cháu T và cháu K cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận nuôi con chung của chị N và anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên công nhận.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung : Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị N, anh T phải nộp lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 08/9/2022 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Trung T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên là Phan Nguyễn Cát T, sinh ngày 12/5/2011 và Phan Trung K, sinh ngày 27/4/2018. Chị N và anh T thống nhất giao cháu T và cháu K cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị N, anh Phan Trung T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0004533 ngày 08/9/2022 và số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0004532 ngày 08/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị N, anh T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Nguyễn Thị Hồng Nhung